

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2025/ HNGĐ - ST
Ngày 26/ 6/ 2025.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hiếu và bà Trần Thị Lệ Dung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 50/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT tại: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện cư trú tại: xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lã Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: Chị Nguyễn Thị T; vắng mặt anh Lã Văn N (anh N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh N có thời gian tự do tìm hiểu, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K. Sau khi kết hôn chị và anh N về chung sống cùng với gia đình anh N tại xã Y, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không cải thiện được mà ngày càng nặng nề hơn. Do mâu thuẫn nên đến năm 2019 chị đã làm đơn xin ly hôn anh N nhưng được Tòa án phân tích, khuyên giải chị đã rút đơn ly hôn để mong vợ chồng có tiếng nói chung, cùng nhau nuôi dạy con nhưng không có kết quả. Đến năm 2024 do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nên chị lại làm

đơn xin ly hôn anh N, nhưng vì thương con chị lại rút đơn để mong anh N thay đổi, để vợ chồng có tiếng nói chung, nhưng kể từ đó cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh N không còn, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nên không thể về tiếp tục chung sống cùng nhau được, vì vậy chị xin được ly hôn N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N cho đến nay có 3 con chung là cháu Lã Thị Ánh N1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011, cháu Lã Thị Kim N2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2014 và cháu Lã Đức T1, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2016. Hiện tại anh N đang nuôi dưỡng cháu N1 còn chị đang nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N2. Nay ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu N2, còn giao cháu N1 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, chị và anh N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản: Chị T xác định để chị và anh N tự thỏa thuận với nhau, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lã Văn N, hiện tại anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xóm A, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án thì anh N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần và trực tiếp giao các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N vẫn không đến Tòa án làm việc. Song tại biên bản sự việc ngày 08/5/2025 anh N nêu quan điểm: vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi chửi nhau và nhiều lần chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã L để sống ly thân, sau đó lại quay về đoàn tụ. Kể từ tháng 6/2024 cho đến nay anh và chị T sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị T xin ly hôn, anh mong muốn chị T suy nghĩ lại vì con, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh không có ý kiến và anh không ký nhận văn bản gì, Tòa án giải quyết thế nào anh không tham gia. Việc anh N không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh N phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc anh Lã Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy X cho ly hôn với anh Lã Văn N. Về con chung: giao cháu Lã Thị Ánh N1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011 cho anh Lã Văn N, được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lã Thị Kim N2, sinh ngày 21 tháng 9

năm 2014 và cháu Lã Đức T1, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T và anh N đều không yêu cầu về cấp dưỡng, do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lã Văn N, có địa chỉ tại xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 20/6/2025 có mặt chị Nguyễn Thị T còn anh Lã Văn N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T có mặt, còn anh Lã Văn N vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lã Văn N có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã L, huyện K, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên chị đã làm đơn xin ly hôn anh N, sau đó chị đã rút đơn với mong muốn vợ chồng về đoàn tụ và có tiếng nói chung nhưng không có kết quả, vì vậy đến năm 2024 chị T lại làm đơn xin ly hôn với anh N. Trong quá trình Tòa án giải quyết chị T vì thương con nên đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa nên chị làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị T và anh N đang sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, song anh mong muốn chị T vì các con mà suy nghĩ lại, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh không có ý

kiến gì. Anh N không đưa ra ý kiến nhưng khi Tòa án hòa giải, anh N luôn vắng mặt và anh không giao nộp bất cứ tài liệu gì để thể hiện việc anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ khi chị T xin ly hôn anh. Như vậy thấy rằng tình cảm giữa chị T và anh N dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh N cho đến nay có ba người con chung là cháu Lã Thị Ánh N1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011, cháu Lã Thị Kim N2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2014 và cháu Lã Đức T1, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2016. Hiện tại anh N đang nuôi dưỡng cháu N1 còn chị T đang nuôi dưỡng cháu N2 và cháu T1, nay cháu N1 có nguyện vọng ở với anh N, còn cháu N2 và cháu T1 đều có nguyện vọng ở với chị T, xét thấy nguyện vọng của các cháu phù hợp với yêu cầu của chị T và quan điểm của anh N nên giao cháu N1 cho anh N và giao cháu N2 và cháu T1 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

Về con riêng chị T và anh N không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH G với mức lương ổn định 7.000.000 đồng một tháng nên chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, còn anh N có quan điểm nuôi một cháu nên không yêu cầu về cấp dưỡng, do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị T và anh N đều không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Lã Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy ly H anh Lã Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Lã Thị Kim N2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2014 và cháu Lã Đức T1, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị

T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Lã Thị Ánh N1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2011 cho anh Lã Văn N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị T và anh Lã Văn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T2 phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002026 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA DS huyện K .
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung